

HIỆN TRẠNG VÀ XU THẾ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC NGOẠI NGỮ Ở CÁC NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

• ThS. BÙI ĐỨC THIỆP

Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục

Nước ta hiện nay đã trở thành thành viên của Tổ chức thương mại thế giới (WTO). Việc nâng cao trình độ ngoại ngữ cho mọi người là một yêu cầu hết sức quan trọng và cấp bách. Chỉ có nắm vững một hoặc nhiều ngoại ngữ, chúng ta mới có thể tham gia đầy đủ và rộng lớn hơn vào quá trình hợp tác và phân công quốc tế. Nhưng xét về tổng thể, chất lượng dạy và học ngoại ngữ của nước ta hiện nay vẫn chưa theo kịp yêu cầu phát triển của kinh tế - xã hội, đặc biệt là yêu cầu của sự nghiệp xây dựng công nghiệp hoá và hiện đại hoá đất nước. Trình độ ngoại ngữ và kĩ năng dạy học ngoại ngữ của giáo viên còn khá thấp, tiêu chuẩn đánh giá kết quả dạy học còn đơn nhất, kĩ thuật và phương tiện dạy học ngoại ngữ vừa thiếu thốn vừa lạc hậu. Vì vậy, kinh nghiệm dạy học ngoại ngữ của nước ngoài cần được tìm hiểu và tiếp thu nhằm tạo bước chuyển biến mới trong việc dạy và học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân ở nước ta.

Có thể nói, từ thế kỉ 20, dưới tác động của công nghiệp hoá và sự phát triển khoa học - kĩ thuật, giáo dục ngoại ngữ trên thế giới đã có sự phát triển nhanh chóng. Quá trình toàn cầu hoá kinh tế và xã hội tin học hoá đã khiến cho sự giao lưu quốc tế ngày càng náo nhiệt và cạnh tranh quốc tế cũng ngày càng gay gắt. Phát triển giáo dục ngoại ngữ, bồi dưỡng nhân tài ngoại ngữ là mục tiêu phát triển có tính chiến lược của hầu hết các nước trên thế giới. Để thực hiện mục tiêu chiến lược đó, nhiều giải pháp đã được đề ra và thực hiện.

I. Ban hành các chính sách về giáo dục ngoại ngữ

Trong quá trình phát triển sự nghiệp giáo dục ngoại ngữ, dù cho các nước thực hiện thể chế quản lí giáo dục theo kiểu trung ương tập quyền hay phân quyền cho địa phương, các nước đều rất coi trọng việc xây dựng chính sách giáo dục ngoại ngữ và coi chính sách giáo dục ngoại ngữ thống nhất là một bảo đảm quan trọng cho sự thành công của giáo dục ngoại ngữ.

Thứ nhất là chính sách giáo dục ngoại ngữ của các nước đều coi trọng việc *nâng cao địa vị của ngoại ngữ*, coi chương trình ngoại ngữ là chương trình cốt lõi. Ví dụ, nước Đức từ năm 1964 đã quy định tiếng Anh là môn học bắt buộc ở cấp trung học; Tây Ban Nha đã xác định rõ ngoại ngữ là chương trình cốt lõi, tổng số giờ dạy

học ngoại ngữ ở tiểu học phải đạt từ 9% - 11%; năm 1956, Nhật Bản bắt đầu quy định và thực hiện việc dạy học ngoại ngữ với tư cách là môn học bắt buộc ở trường sơ trung và cao trung.

Thứ hai là tăng số lượng ngoại ngữ dạy học trong nhà trường. Ví dụ năm 1987, Úc ban bố "Chính sách ngôn ngữ quốc gia" (National Policy on Languages) khuyến khích và tài trợ cho các cơ sở giáo dục do các bang lập nên dạy học các thứ tiếng châu Á chủ yếu như tiếng Trung Quốc, tiếng Nhật Bản, tiếng In-đô-nê-xi-a, tiếng Hàn Quốc... Năm 1996, Bộ Giáo dục Israen căn cứ vào thực tế nhà trường đã đưa ra chính sách giáo dục ngoại ngữ "3+X", yêu cầu người Do Thái ngoài tiếng Hy Lạp, tiếng Anh và tiếng Ả Rập ra, còn phải học các ngôn ngữ truyền thống là tiếng Y-di, tiếng La-di-no và 5 ngôn ngữ chung như tiếng Nga, tiếng Amukhala, tiếng Tây Ban Nha và các ngôn ngữ thế giới như tiếng Nhật, tiếng Trung Quốc, tiếng Đức. Các nước thành viên của Cộng đồng châu Âu cũng xác định rằng, với tư cách là công dân thế kỉ 21, mỗi học sinh (HS) khi tốt nghiệp trường phổ thông phải biết 2 ngoại ngữ, tức là phải sử dụng được 3 loại ngôn ngữ để giao tiếp với người khác. Hiện nay, không ít quốc gia đã bắt đầu thử nghiệm dạy học ngoại ngữ từ lớp 1 tiểu học, thậm chí từ mẫu giáo và dạy học ngoại ngữ thứ hai từ cấp trung học.

Thứ ba là hạ thấp độ tuổi học ngoại ngữ. Ngay từ thập niên 60 của thế kỉ 20, các nước châu Âu đã bắt đầu nghiên cứu, thử nghiệm việc hạ thấp độ tuổi học ngoại ngữ. Từ năm 1962 đến năm 1979, Ủy ban châu Âu đã tổ chức 7 lần hội thảo về việc giáo dục ngoại ngữ cho trẻ em ngày từ khi còn nhỏ tuổi, cuối cùng đã đạt được sự thống nhất về 5 nhân định: (1) Dạy học ngoại ngữ từ tiểu học có thể phát huy tốt năng lực ngôn ngữ trời phú của trẻ em. (2) Trải qua thực nghiệm, tổ chức cho trẻ em học ngoại ngữ từ lúc 9 tuổi là tương đối thích hợp. (3) Việc giáo dục ngoại ngữ ngày từ khi còn nhỏ cần kết hợp và tích hợp trong việc dạy học các môn học khác. (4) Mục đích của việc giáo dục ngoại ngữ từ khi còn nhỏ là đặt nền móng tốt cho việc học tốt ngoại ngữ ở cấp trung học. (5) Trình độ ngoại ngữ và kĩ năng dạy học của giáo viên là hai nhân tố quan trọng nhất.

Trên cơ sở kết quả nghiên cứu, thực nghiệm nêu trên, từ năm 1990, một số nước như Áo, Phần Lan, Ai-len, Luych-xăm-bua, Thụy Điển và

Thụy Sĩ đã bắt đầu dạy ngoại ngữ cho trẻ em từ 8 tuổi; các nước như Đức, Bỉ, Pháp và Ý vẫn đang thử nghiệm. Đến cuối thế kỉ 20, số nước thực hiện giáo dục ngoại ngữ từ 8 tuổi đã tăng lên và độ tuổi có xu hướng càng hạ thấp. Ví dụ, vào thập niên 90, Bộ trưởng Giáo dục Pháp đã tuyên bố một kế hoạch cuốn chiếu về giáo dục ngoại ngữ, tức là từ mùa thu năm 2000 tất cả trẻ em năm cuối cùng của trường mẫu giáo đều bắt đầu học ngoại ngữ. Điều này có nghĩa là tuổi bắt đầu học ngoại ngữ của trẻ em nước Pháp là 5 tuổi. Còn ở trường tiểu học công lập của Úc, trẻ em thường bắt đầu học tiếng Anh từ 8 tuổi (lớp 3 tiểu học). Năm 1983, một số trẻ em bắt đầu học tiếng Anh từ 6 tuổi (lớp 1). Năm 2003, chính phủ Úc quy định thống nhất: tuổi HS bắt đầu học ngoại ngữ là 6 tuổi.

Thứ tư là để thúc đẩy giáo dục ngoại ngữ phát triển đúng hướng, có kế hoạch, thống nhất và minh bạch, các nước đều rất coi trọng việc xây dựng chuẩn chương trình và tăng cường chỉ đạo theo chuẩn. Giáo dục tiếng Anh ở trung học của Đức được chia thành giai đoạn sơ cấp (giai đoạn đầu của giáo dục trung học) và giai đoạn cao cấp (giai đoạn hai của giáo dục trung học). Việc dạy học tiếng Anh của giai đoạn sơ cấp chủ yếu tiến hành rèn luyện năng lực ngôn ngữ nói chung như nghe, nói, đọc, viết ..., nhằm làm cho HS thông qua việc học tập hiểu được nội dung biểu đạt bằng tiếng Anh của người Anh và của người ở các nước nói tiếng Anh, học cách dùng quen thuộc của tiếng Anh, nhận thức được sự khác biệt giữa tiếng Anh và tiếng mẹ đẻ; hiểu và tôn trọng tiêu chuẩn hành vi, ngôn ngữ của các nước nói tiếng Anh. Giai đoạn cao cấp yêu cầu nâng cao năng lực giao tiếp tiếng Anh bằng khẩu ngữ và bút ngữ của HS, truyền thụ cho các em tri thức và kĩ năng ngôn ngữ; học tập tri thức văn hoá xã hội và tri thức văn hoá của Anh, Mỹ; học tập phương pháp và kĩ năng thu nhận tri thức về tiếng Anh để đặt nền tảng cho việc tiếp tục học tiếng Anh sau này.

Năm 1993, dưới sự tài trợ của "Mục tiêu giáo dục năm 2000" của chính phủ liên bang Mỹ, một số tổ chức ngôn ngữ mang tính toàn quốc của Mỹ - Hiệp hội giáo viên tiếng Pháp liên hiệp quốc thuộc Uỷ ban dạy học ngoại ngữ của Mỹ, Hiệp hội giáo viên tiếng Đức của Mỹ, Hiệp hội giáo viên tiếng Tây Ban Nha và Bồ Đào Nha của Mỹ - trong hai năm đã lần lượt cho ra đời tiêu chuẩn học ngoại ngữ. "Tiêu chuẩn" này đã đề ra 5 mục tiêu học ngoại ngữ, gọi tắt là 5 C: Giao tiếp (Communication), Văn hoá (Cultures), Kết nối (Connections), So sánh (Comparisons), Tham gia cộng đồng (Communities), để chỉ đạo dạy học ngoại ngữ rõ ràng, đúng đắn cho các bang, các vùng và các trường học.

II. Mở rộng tầm nhìn về dạy học ngoại ngữ

1. Bồi dưỡng năng lực giao tiếp bằng ngoại ngữ

Bồi dưỡng năng lực giao tiếp bằng ngôn ngữ cho HS vừa là mục tiêu dạy học ngoại ngữ, vừa là sách lược dạy học quan trọng của các nước trên thế giới. Đây chính là cơ sở ra đời và tồn tại của phương pháp chức năng giao tiếp từ thập niên 70 của thế kỉ 20 đến nay. Là một phương pháp dạy học ngoại ngữ, phương pháp chức năng giao tiếp về một mức độ rất lớn, lấy ngôn ngữ sử dụng hàng ngày làm nội dung dạy học chủ yếu, bồi dưỡng năng lực vận dụng ngôn ngữ trong cuộc sống hàng ngày của HS, nhằm đạt tới mục đích giao tiếp. Khi mọi người ý thức được rằng mục đích học ngôn ngữ không phải là nắm vững bản thân ngôn ngữ mà là sử dụng ngôn ngữ trao đổi thông tin, liên kết tình cảm, nguyện vọng trong hoàn cảnh có ý nghĩa thì việc học tập ngôn ngữ mới có hiệu quả nhất. Chính vì vậy, chương trình ngoại ngữ của Phần Lan được thiết kế theo từng đơn nguyên. Mỗi đơn nguyên do một số tình huống giao tiếp, chủ đề hoặc chủ điểm tạo thành, khuyến khích HS học tập ngôn ngữ và tiến hành hoạt động thực tiễn rộng mở trong giao tiếp thực tế. Chương trình ngoại ngữ của Pháp nhấn mạnh việc dạy học theo tình huống, tạo không khí học tập ngôn ngữ và cơ hội cho HS dám nói và thích nói. Đối với cấp tiểu học, việc dạy học ngoại ngữ thông qua bài hát thiếu nhi, đồng dao, mẫu chuyện ngắn, trò chơi,... có tác dụng bồi dưỡng tính nhạy bén về ngôn ngữ và hứng thú học tập ngôn ngữ của HS. Trong chương trình ngoại ngữ của nước Anh, tuy ngoại ngữ là môn tự chọn ở lớp 5, lớp 6 tiểu học, nhưng mục tiêu dạy học vẫn nhấn mạnh việc hình thành năng lực giao tiếp bước đầu. Dạy học lấy nghe, nói làm trọng điểm; giáo trình, bài tập lấy hội thoại làm chính; hoạt động trên lớp rất đa dạng, linh hoạt; ba phần tư thời gian được dùng cho các hoạt động nghe, nói.

2. Thúc đẩy giáo dục song ngữ

Để thích ứng với yêu cầu của thời đại khoa học kĩ thuật mới, toàn cầu hoá và cạnh tranh gay gắt trong thế kỷ 21, đồng thời dựa vào những thành tựu và sự phát triển của ngôn ngữ học, giáo dục học, tâm lí học, việc dạy học ngoại ngữ (dạy học ngôn ngữ thứ hai) dần dần chuyển từ chỗ dạy học ngôn ngữ đơn thuần, cô lập sang kết hợp dạy học ngôn ngữ và dạy học khoa học. Từ thập niên 80 của thế kỉ 20, việc dạy học ngoại ngữ của các nước được điều chỉnh và cải cách từng bước, ngoại ngữ được dùng làm phương tiện môi giới dạy học, truyền thụ tri thức môn học. Giáo dục song ngữ kết hợp nội dung môn học và ngoại ngữ làm một đã được thực hiện rộng rãi ở các nước. Ví dụ, ở Đức, nhiều trường học đã bắt đầu thực hiện kế hoạch dạy học song ngữ (Learning through a foreign language) ở lớp 1 tiểu học, nửa ngày học bằng tiếng Đức và nửa ngày học bằng ngoại ngữ. Ngoại ngữ được sử dụng trong các trường học là: tiếng Anh, tiếng Pháp, tiếng Ý, tiếng Bồ Đào Nha, tiếng Ba Lan, tiếng Nga, tiếng

Hi Lạp hiện đại và tiếng Thổ Nhĩ Kỳ, v.v... Đầu thế kỷ 20, Phần Lan áp dụng phương thức giáo dục song ngữ, coi đó là biện pháp nâng cao trình độ ngôn ngữ của HS. Đến giữa thập niên 90, có ít nhất một phần ba số trường nghề đã triển khai việc dạy học song ngữ.

Xuất phát từ đặc điểm của một quốc gia đa dân, các trường học ở khắp nước Úc đều có kế hoạch dạy học song ngữ, sử dụng ngoại ngữ làm ngôn ngữ dạy học. Ngoại ngữ mà các trường sử dụng để dạy học là tiếng Trung Quốc, tiếng Pháp, tiếng Hi Lạp, tiếng Ý, tiếng Nhật, tiếng Khmer, tiếng Campuchia, tiếng Ma Lai – In-đô-nê-xi-a, tiếng Ba Lan, tiếng Tây Ban Nha và tiếng Thổ Nhĩ Kỳ. Kế hoạch dạy học này được phân bố ở các giai đoạn dạy học, trong đó phần lớn là ở giai đoạn tiểu học.

3. Áp dụng kĩ thuật giáo dục hiện đại

Vận dụng tổng hợp kĩ thuật giáo dục hiện đại là một trong những kinh nghiệm quan trọng của việc giáo dục ngoại ngữ. Nó khiến cho người học ngoại ngữ tiếp xúc đầy đủ, tự do với ngôn ngữ được học, kích thích rất lớn hứng thú của người học ngoại ngữ, khiến cho việc học ngoại ngữ có đầy đủ tính thực quan, tính giao tiếp, tính thực dụng và tính thao tác.

Khai thác phần mềm dạy học là một đặc điểm lớn của việc vận dụng kĩ thuật giáo dục hiện đại vào việc dạy học ngoại ngữ. Mĩ đã khai thác nhiều phần mềm dạy học mô phỏng theo kiểu tương tác mang tính sáng tạo to lớn. Ví dụ, phần mềm dạy học "Vé xe" của công ty Sư tử xanh, đã nhấn mạnh việc đưa HS thâm nhập vào thế giới ngôn ngữ chân thực, thông qua sự cảm nhận của bản thân, nắm vững ngữ pháp trong môi trường văn hoá. Phần mềm dạy học "Tiếng Anh I và II" của Hà Lan thì lại thiên về những điểm khó thường gặp khi học tiếng Anh.

Máy tính hỗ trợ dạy học là một đặc điểm nổi bật của việc vận dụng kĩ thuật giáo dục hiện đại vào lĩnh vực giáo dục ngoại ngữ. Thiết bị xử lí văn tự khẩu ngữ toàn năng TEO (Text Editor Oral) do Luych-xăm-bua khai thác đã khuyến khích học sinh dùng ngoại ngữ để biên soạn các câu chuyện, phát triển kĩ năng biểu đạt khẩu ngữ. Thiết bị TEO chủ yếu dùng ở tiểu học, đặc biệt là ở trường có bối cảnh đa văn hoá. Thông qua máy tính, kĩ thuật giáo dục hiện đại được áp dụng vào việc dạy học ngoại ngữ, bồi dưỡng năng lực giao tiếp khẩu ngữ và bút ngữ của HS tiểu học.

Việc xây dựng và vận dụng mạng giáo dục cũng đang phát huy tác dụng không thể coi thường trong giáo dục ngoại ngữ. HS nước ngoài đang tận dụng triệt để mạng để tiếp xúc với ngoại ngữ, nhiều trường đã xây dựng trạm mạng học ngoại ngữ, HS tận dụng mọi cơ hội, như lên mạng, đặt mua tạp chí điện tử, nhận, gửi thư điện tử, chat, v.v... để tiến hành giao lưu rộng rãi và chân thực hơn.

III. Hoàn thiện hệ thống đánh giá ngoại ngữ

Các nước không ngừng hoàn thiện hệ thống đánh giá ngoại ngữ nhằm làm cho việc đánh giá càng khoa học, hợp lí hơn. Xu thế hiện nay là chuyển từ coi trọng yếu tố ngôn ngữ sang năng lực vận dụng ngôn ngữ thực tế; từ nhấn mạnh văn bản viết sang kết hợp khẩu ngữ và văn bản viết; từ coi trọng kết quả sang coi trọng cá tính, v.v... Việc kiểm tra, trắc nghiệm làm chỗ dựa mà ngày càng quan tâm nhiều hơn tới sự phát triển và biến đổi của HS trong quá trình học ngoại ngữ, chú ý kết hợp giữa trạng thái tĩnh và trạng thái động. Hiện nay, việc kiểm tra, đánh giá của phần lớn các nước đều do giáo viên đứng lớp căn cứ vào các mục tiêu, yêu cầu và đối tượng dạy học khác nhau để thiết kế mô hình đánh giá khác nhau. Giáo viên xây dựng hồ sơ cá nhân HS, thông qua hồ sơ thu thập thông tin về HS, đưa ra ý kiến đánh giá đối với họ. Phương thức này đã trở thành xu thế quan trọng của việc đánh giá. Giáo viên thông qua quan sát quá trình học tập của HS, hiểu đặc điểm, phong cách, phương pháp học tập của HS, từ đó tiến hành so sánh dọc, so sánh ngang, hiểu rõ tiến trình phát triển của HS, và không ngừng điều chỉnh phương pháp dạy học.

Bên cạnh việc kiểm tra, đánh giá của giáo viên, chính phủ cũng tổ chức kiểm tra năng lực ngôn ngữ với quy mô toàn quốc và khu vực khi kết thúc mỗi giai đoạn học tập của HS. HS tốt nghiệp trung học của Hà Lan phải tham gia kì thi có tính toàn quốc do Cục khảo thí quốc gia (CITO) tổ chức. Khoảng 30% HS tham gia kì thi thống nhất ở lớp 12 (18 tuổi). Kì kiểm tra thành tích học tập này bao gồm 3 môn ngoại ngữ: Tiếng Anh (nghe, nói, đọc, viết), tiếng Pháp (đọc hiểu), tiếng Đức (đọc hiểu). Có khoảng 40% HS lớp 10 (16 tuổi) tham gia kì thi thống nhất toàn quốc, bao gồm kiểm tra trình độ tiếng Anh, khả năng nghe tiếng Pháp, tiếng Đức hoặc kiểm tra nói. Thành tích kiểm tra thống nhất toàn quốc, nói chung, chiếm 50% tổng thành tích học tập của HS.

IV. Nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên ngoại ngữ

Giáo dục ngoại ngữ của các nước rất coi trọng chất lượng của đội ngũ giáo viên, không ngừng cải cách, đổi mới mô hình giáo dục sư phạm, nội dung và phương thức, phương pháp dạy học để làm cho đội ngũ giáo viên phát triển cùng nhịp với sự phát triển của giáo dục ngoại ngữ.

Trước tiên là phải bảo đảm chất lượng đào



tạo trước khi vào nghề. Giáo dục trước khi vào nghề đối với giáo viên ngoại ngữ bao gồm việc dạy học các môn học, giáo học pháp và thực tập giáo dục. Ví dụ, ở Mônaco, giáo viên ngoại ngữ đều được đào tạo ở các trường đại học hoặc trường sư phạm. Phần lớn giáo viên khoa Anh đều nhận học vị thạc sĩ hoặc tiến sĩ tại các đại học của Anh, Mĩ. Sinh viên thường phải học 4 năm tiếng Anh, trong đó một năm học văn học hoặc ngôn ngữ học, một năm học giáo học pháp và thực tập sư phạm tại trường. Ở Pháp, tất cả giáo viên trung học, tiểu học mới được tuyển dụng đều phải hoàn thành khoá học về dạy học ngôn ngữ. Từ năm 2003, giáo dục sư phạm tiểu học được đưa vào kì thi ngôn ngữ và lấy đó làm điều kiện để cấp bằng. Ở Đức, việc bồi dưỡng giáo viên ngoại ngữ trung học, tiểu học được chia thành hai giai đoạn: Giai đoạn thứ nhất học ngôn ngữ ở trình độ đại học. Nội dung học tập gồm môn chuyên ngành và chương trình có liên quan đến ngôn ngữ học ứng dụng hoặc phương pháp dạy học. Ngoài ra, còn có 6 tuần thực tập. Khi kết thúc, phải tham dự kì thi quốc gia thứ nhất. Nội dung thi bao gồm một luận văn có tính học thuật, thi viết và thi nói. Giai đoạn thứ hai là giai đoạn kiến tập tại trường, cũng gọi là thời kì giáo viên dự bị. Sinh viên sư phạm sau khi đạt được học vị đại học ở kì thi quốc gia thứ nhất mới có điều kiện bước sang giai đoạn thứ hai. Thời gian kiến tập tại trường nói chung là 18- 24 tháng, do chuyên gia hướng dẫn, mỗi tuần tham dự một hội thảo về sách giáo khoa và phương pháp giảng dạy, tập trung vào việc rèn luyện thực tiễn dạy học. Khi kết thúc thời kì kiến tập, giáo sinh sư phạm phải tham gia kì thi quốc gia thứ hai do quan chức giáo dục của bang, giáo sư đại học và giáo viên của trường cùng chủ trì. Thí sinh phải giảng dạy hai tiết công khai, viết một luận văn có liên quan đến việc dạy học ngôn ngữ, tham gia thi nói trong vòng 2 tiếng đồng hồ. Sau khi vượt qua kì thi, sẽ được chính quyền bang bổ nhiệm, lúc đó mới chính thức trở thành giáo viên ngoại ngữ.

Hà Lan và Anh thì yêu cầu HS sư phạm ngoại ngữ ra nước ngoài học tập nâng cao trình độ. HS sư phạm Hà Lan sau khi có học vị môn thứ nhất còn phải ra nước ngoài học tập một thời gian. Ở Anh, hầu như tất cả HS theo học chương trình giáo dục ngôn ngữ theo chế độ học cả ngày đều phải ra nước ngoài học tập hoặc công tác một năm.

Thứ hai là phải tiến hành bồi dưỡng sau khi vào nghề đối với giáo viên ngoại ngữ thông qua các kênh giáo dục tiếp tục, mạng giáo dục, trường bồi dưỡng nghề nghiệp giáo viên, hiệp hội giáo viên ngoại ngữ và các cơ cấu khác. Trên cơ sở mở rộng nội dung đào tạo, bồi dưỡng, việc đào tạo, bồi dưỡng giáo viên ngoại ngữ cũng chuyển từ chỗ xây dựng lí luận dạy học và huấn luyện kĩ năng dạy học sang cải tạo cơ cấu tri

thức, phương thức tư duy, năng lực dạy học vốn có của giáo viên. Ở Đức, chương trình giáo dục tiếp tục đối với giáo viên ngoại ngữ có thể tìm thấy ở mọi nơi. Giáo viên có thể căn cứ vào hứng thú, sở thích của mình để lựa chọn theo học chương trình của địa phương hoặc của bang. Mỗi giáo viên, mỗi năm được dành một tuần theo học chương trình bồi dưỡng do bang cung cấp. Ở Tiệp Khắc, xu thế quan trọng của việc giáo dục tiếp tục đối với giáo viên ngoại ngữ là ngày càng nhiều giáo viên ra nước ngoài học tập hoặc tham dự chương trình quốc tế có uy tín của nước ngoài. Ở Mĩ, việc bồi dưỡng tại chức giáo viên ngoại ngữ lại nhấn rất mạnh tới việc nắm vững và ứng dụng kĩ thuật giáo dục đa phương tiện. Ở Trung Quốc, lâu nay do việc dạy học ngoại ngữ (tiếng Anh) cơ bản theo mô hình của Liên Xô trước đây, bắt nguồn từ truyền thống cũ của châu Âu, lấy bồi dưỡng nền tảng lí thuyết làm trọng điểm, trên lớp giáo viên là trung tâm, áp dụng phương pháp dạy học "Kiểu nhồi vùi", "Rót tri thức suốt giờ học", hầu như toàn bộ thời gian trên lớp dành cho giáo viên giảng giải, HS chỉ biết tiếp thu tri thức sách vở một cách bị động, nên chất lượng và hiệu quả rất thấp. Mười năm gần đây, Trung Quốc bắt đầu đề cao trọng điểm của việc dạy học ngoại ngữ là bồi dưỡng năng lực sử dụng ngoại ngữ thực tế của HS, yêu cầu giáo viên quán triệt phương châm dạy học lấy HS làm trung tâm, tăng cường việc dạy học, đánh giá theo chuẩn chương trình nhằm từng bước nâng cao tổ chất ngoại ngữ của HS.

Có thể nói, hiện trạng và xu thế phát triển giáo dục ngoại ngữ nêu trên của các nước đã gợi ra cho chúng ta nhiều vấn đề cần xem xét, nghiên cứu, tiếp thu và vận dụng sáng tạo vào thực tiễn dạy học ngoại ngữ ở nước ta. Trong bối cảnh đất nước đã gia nhập WTO và trước yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp CNH và HĐH đất nước, cần phải có chiến lược phát triển giáo dục ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân từ nay đến năm 2020 làm cơ sở cho việc xác định số lượng ngoại ngữ, lựa chọn ngoại ngữ chủ yếu và triển khai việc dạy học song ngữ trong nhà trường, nhất là dạy học song ngữ ở một số môn phù hợp của cấp trung học phổ thông và ở một số môn cơ bản, chuyên ngành của các trường đại học.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đặc điểm phát triển chương trình ngoại ngữ của các nước trên thế giới. www.news-edu-chn.com. 10/3/2006
2. Hiện trạng và xu thế phát triển chương trình ngoại ngữ tiểu học của các nước trên thế giới. www.teachercn.com. 5/5/2005.

SUMMARY

The author outlines some sketches of the status quo and tendency of foreign languages education development in the world.